

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 99/2024/HS-ST
Ngày 11/04/2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt.
- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Châu và bà Vi Thị Kiều Chi.
- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Lê Nguyệt Ánh - Cán bộ Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:* Ông Lê Viết Bình; Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 11/04/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, Toà án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột đã đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 75/2024/HSST ngày 14/3/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2024/QĐXXST-HS ngày 29/3/2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Hà Hồng T**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 18 tháng 12 năm 1990; Tại: Phú Thọ.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Tổ F, khu I, phường N, thành phố V, tỉnh P**;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: **Hà Hồng T1**, sinh năm 1964; Con bà: **Lê Thị Kim T2**, sinh năm 1965. Bị cáo có vợ là chị **Hà Thị Hồng G**, sinh năm 2001; có 02 con, con lớn nhất sinh năm: 2016, con nhỏ nhất sinh năm 2020.

Tiền án; Tiền sự: Không

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/01/2024 cho đến nay. Có mặt

2. Họ và tên: **Nguyễn Quốc D**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 07 tháng 3 năm 1991; Tại: Phú Thọ.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Khu G, xã G, huyện T, tỉnh P**;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Con ông: **Nguyễn Thành N**, sinh năm 1960; Con bà: **Đặng Thị T3**, sinh năm 1962. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án; Tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ tại nhà tạm giữ Công an thành phố B từ ngày 03/10/2023 đến ngày 12/10/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt.

3. Họ và tên: Nguyễn Thái H; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam;

Sinh ngày 06 tháng 10 năm 1993; Tại: Phú Thọ.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ B, phố T, phường T, thành phố V, tỉnh P;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông (không rõ nhân thân lai lịch); Con bà: Nguyễn Thúy N1, sinh năm 1964. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền sự: Không.

Tiền án: 01 ngày 29/9/2020 bị Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ xử phạt 25 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; ngày 09/5/2022 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

Nhân thân: ngày 23/5/2017 bị Công an thành phố V xử phạt số tiền 1.500.000đ về hành vi Trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị tạm giữ tại nhà tạm giữ Công an thành phố B từ ngày 03/10/2023 đến ngày 12/10/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Y Căn K; sinh năm: 1969, địa chỉ: Đ. Vắng mặt.
2. Bà Từ Thị Kiều T4, sinh năm: 1986 ; Địa chỉ: Thôn A, xã H, Thành phố B, tỉnh Đ. Vắng mặt.
3. Bà Nông Thị Thanh B, sinh năm: 1986; Địa chỉ: Số G N, phường T, Thành phố B, tỉnh Đ. Vắng mặt.
4. Bà Trần Thị L; sinh năm: 1967; Địa chỉ: Số E Đ, phường E, Thành phố B, tỉnh Đ. Vắng mặt.
5. Bà Tống Thị H1; sinh năm: 1982, Địa chỉ: Thôn M, xã H, thành phố B, tỉnh Đ
6. Bà Dương Thị T5; sinh năm: 1973; Địa chỉ: đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đ
7. Lê Thị T6; sinh năm: 1974; Địa chỉ: đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đ
8. Bà Mạch Thị Mỹ T7; sinh năm: 1975, Địa chỉ: đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đ
9. Bà Tống Thị K1; sinh năm: 1980, Địa chỉ: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đ
10. Bà Tống Thị C; sinh năm: 1978, Địa chỉ: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đ

11. Bà Lê Thị Thái T8; sinh năm: 1985; Địa chỉ: Thôn F, xã H, thành phố B, tỉnh Đ
12. Bà Vũ Thị O; sinh năm: 1966; Địa chỉ: C N, phường T, thành phố B, tỉnh Đ
13. Bà Lê Thị T9; sinh năm: 1986; Địa chỉ: Thôn C, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk
14. Ông Đặng Ngọc T10; sinh năm: 1972; Địa chỉ: Thôn M, xã H, thành phố B, tỉnh Đ
15. Bà H' Khanh B1; sinh năm: 1960; Địa chỉ: đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đ
16. Bà Nguyễn Thị Hồng L1; sinh năm: 1978; Địa chỉ: đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đ
17. Bà Huỳnh Thị Bảo T11; sinh năm: 1982; Địa chỉ: Thôn B, phường T, thành phố B, tỉnh Đ
18. Bà Trần Thị H3; sinh năm: 1980; Địa chỉ: Tổ dân phố S, phường E, thành phố B, tỉnh Đ
19. Bà Lê Thị Minh N2; sinh năm: 1977; Địa chỉ: Thôn T, xã E, thành phố B, tỉnh Đ
20. Bà Niê Thị L2; sinh năm: 1974; Địa chỉ: Đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đ
21. Bà Phạm Thị P; sinh năm: 1962; Địa chỉ: đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đ
22. Bà Phan Thị Phương T12; sinh năm: 1982; Địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đ
23. Bà Nguyễn Thị Thanh Q; sinh năm: 1979; Địa chỉ: đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đ
24. Bà Nguyễn Thị H4; sinh năm: 1979; Địa chỉ: Số A V, phường K, thành phố B, tỉnh Đ
25. Bà Trần Thị Thủy N3; sinh năm: 2004; Địa chỉ: Số B T, phường K, thành phố B, tỉnh Đ
26. Bà Trần Thị N4; sinh năm: 1972; Địa chỉ: Số A P, phường K, thành phố B, tỉnh Đ
27. Bà Nguyễn Thị Thanh T13; sinh năm: 1983; Địa chỉ: Số A P, phường K, Tp ., tỉnh Đắk Lắk.
28. Bà Bùi Thị H5; sinh năm: 1959; Địa chỉ: B H, phường T, thành phố B, tỉnh Đ
29. Bà H Linh Trang N5; sinh năm: 2000; Địa chỉ: Số C H, phường T, thành phố B, tỉnh Đ
30. Bà Nguyễn Đoàn Tú N6; sinh năm: 1993; Địa chỉ: Số C Đường A, xã C, thành phố B, tỉnh Đ
31. Bà Lê Thị Ngọc T14; sinh năm: 1976; Địa chỉ: Số C Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đ
32. Bà Lê Thị Mỹ D1; sinh năm: 1966; Địa chỉ: đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đ

33. Bà **Trần Thị C1**; sinh năm: 1976; Địa chỉ: **Số C P, phường T, thành phố B, tỉnh Đ**
34. Bà **Phạm Thị Thúy N7**; sinh năm: 1962; Địa chỉ: **Tổ dân phố S, phường T, thành phố B, tỉnh Đ**
35. Bà **Phan Thị Ngọc Y**; sinh năm: 1980; Địa chỉ: **đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đ**
36. Bà **Nguyễn Thị Tuyết T15**; sinh năm: 1974; Địa chỉ: **đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đ**
37. Bà **Trần Hải G1**; sinh năm: 2000; Địa chỉ: **Số A P, xã C, thành phố B, tỉnh Đ**
38. Bà **Bùi Thị L3**; sinh năm: 1965; Địa chỉ: **Số A N, xã H, thành phố B, tỉnh Đ**
39. Bà **Hoàng Thị C2**; sinh năm: 1974; Địa chỉ: **D N, phường T, thành phố B, tỉnh Đ**
40. Bà **Nguyễn Khánh L4**; sinh năm: 1969; Địa chỉ: **Số C P, phường T, thành phố B, tỉnh Đ**

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hà Hồng T (sinh năm 1990, nơi cư trú **Tổ F, khu I, phường N, thành phố V, tỉnh P**) đã thuê, cung cấp tiền cho **Nguyễn Quốc D** (sinh năm 1991, nơi cư trú **Khu G, xã G, huyện T, tỉnh P**) và **Nguyễn Thái H** (sinh năm 1993, nơi cư trú **Tổ B, khu T, phường T, thành phố V, tỉnh P**) vào **thành phố B, tỉnh Đ** cho nhiều người vay tiền với lãi suất cao để thu lợi bất chính.

Để thực hiện việc cho vay lãi nặng nhằm thu lợi bất chính, khoảng đầu tháng 7 năm 2023 **Hà Hồng T** đã thuê **Nguyễn Quốc D** vào **thành phố B, tỉnh Đ** tìm người vay tiền với lãi suất cao thu lợi bất chính, mỗi tháng **T** trả công cho **D** số tiền là 5.000.000 đồng thì **D** đồng ý. Sau đó **D** dùng xe mô tô biển kiểm soát 47M9-9736, 01 điện thoại Iphone 8 màu trắng, 01 điện thoại di động hiệu Nokia TA 1010 và số tiền 50.000.000 đồng là số tiền của **T** cung cấp cho **D** để dùng vào việc cho vay lãi nặng. Sau khi **D** tìm được người dân có nhu cầu vay tiền thì **D** sử dụng chiếc điện thoại di động Iphone 8 gọi điện, nhắn tin qua ứng dụng Zalo đến điện thoại di động hiệu iphone 12 để **Trưởng** xem và ghi lại vào 01 quyển sổ để theo dõi. Số tiền thu lợi bất chính thì **D** dùng số tài khoản 0703199199999 mang tên **Nguyễn Quốc D** mở tại **ngân hàng Q1** để chuyển đến số tài khoản số 9999555599999 mở tại **ngân hàng Q1** của **Hà Hồng T**.

Đến ngày 10/8/2023 **Hà Hồng T** quen biết với **Trần C3** (chưa rõ nhân thân lại lịch) **T** thuê **Trần C3** vào **thành phố B** tìm người vay tiền với lãi suất cao thu lợi bất chính. Đến ngày 16/8/2023 **Trần C3** không làm thuê cho **T** nữa nên **Hà Hồng T** đã thuê **Nguyễn Thái H** thay **Trần C3** vào **thành phố B, tỉnh Đ** tìm người

vay tiền với lãi suất cao thu lợi bất chính, mỗi tháng **T** trả công cho **H** số tiền là 5.000.000 đồng thì **H** đồng ý. Sau đó **H** dùng xe mô tô hiệu Wave biển kiểm soát 47B2-517.55, 01 điện thoại Iphone X, 01 điện thoại di động hiệu Nokia TA 1174 và số tiền 50.000.000 đồng là số tiền của **T** cung cấp cho **H** để dùng vào việc cho vay lãi nặng. Sau khi **H** tìm được người dân có nhu cầu vay tiền thì **H** sử dụng chiếc điện thoại di động Iphone X gọi điện, lưu trữ thông tin người vay tiền. Số tiền thu lợi bất chính thì **H** dùng số tài khoản 9915049797 mang tên **Nguyễn Thái H** mở tại ngân hàng **V** để chuyển đến số tài khoản số 99995555999999 mở tại ngân hàng **Q1** của **Hà Hồng T**.

Từ tháng 7 năm 2023 đến tháng 10 năm 2023 tại **thành phố N** đã cho nhiều người vay tiền với lãi suất cao thu lợi bất chính, cụ thể:

1. Anh **Y Căn K** (sinh năm 1969, nơi cư trú: **Thôn F, xã H, Thành phố B**) vay tiền góp 2 lần:

Lần 1: Ngày 09/9/2023, **H** cho vay số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 1.000.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 500.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 12.500.000 đồng. Khoản vay này, **H** đã thu đủ 25 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 12.500.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 3.363.013 đồng.

Lần 2: Ngày 29/9/2023, **H** cho vay số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 1.000.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 500.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 12.500.000 đồng. Khoản vay này, **H** đã thu được 02 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 1.000.000 đồng. Hiện còn nợ 23 ngày, tương đương số tiền 11.500.000 đồng chưa trả. Số tiền thu lợi bất chính là 1.189.041.1 đồng.

Tổng số tiền **H** cho anh **Y C** vay là: 20.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính: 4.552.054 đồng.

2. Chị **Từ Thị Kiều T4** (sinh năm 1986, nơi cư trú: **Thôn A, xã H, thành phố B**) vay tiền góp 3 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Khoảng cuối tháng 8/2023, **H** cho vay số tiền 20.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 1.600.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 1.000.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 25.000.000 đồng. Khoản vay này, **H** đã thu đủ 25 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 25.000.000 đồng.

Lần 2: Khoảng giữa tháng 9/2023, **H** cho vay số tiền 20.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 1.600.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 1.000.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 25.000.000 đồng. Khoản vay này, **H** đã thu đủ 25 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 25.000.000 đồng.

Lần 3: Ngày 29/9/2023, **H** cho vay số tiền 20.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 1.600.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 1.000.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 25.000.000 đồng, **H** đã thu được 02 ngày

với số tiền cả gốc và lãi là: 2.000.000 đồng. Hiện còn nợ 23 ngày, tương đương số tiền 23.000.000 đồng chưa trả.

Tổng số tiền **H** cho chị **T4** vay là: 60.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính: 14.630.136 đồng.

3. Chị **Nông Thị Thanh B** (sinh năm 1986, nơi cư trú: **Số G N, phường T, thành phố B**) vay tiền góp 01 lần:

Ngày 29/9/2023, **H** cho vay số tiền 6.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, tôi thu phí 600.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 7.500.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 300.000 đồng, tôi đã thu được 03 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 900.000 đồng. Hiện còn nợ 22 ngày, tương đương số tiền 6.600.000 đồng chưa trả. Số tiền thu lợi bất chính: 770.136 đồng.

4. Bà **Trần Thị L** (sinh năm: 1967, nơi cư trú: **Số E Đ, phường E, thành phố B**) vay tiền góp 03 lần:

Lần 1: Khoảng cuối tháng 8/2023, **H** cho vay số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 500.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 250.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 6.250.000 đồng. Khoản vay này, **H** đã thu đủ 25 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 6.250.000 đồng.

Lần 2: Khoảng giữa tháng 9/2023, **H** cho vay số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 500.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 250.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 6.250.000 đồng. Khoản vay này, **H** đã thu đủ 25 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 6.250.000 đồng.

Lần 3: Ngày 24/9/2023, **H** cho vay số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 500.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 250.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 6.250.000 đồng, **H** đã thu được 07 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 1.750.000 đồng. Hiện còn nợ 18 ngày, tương đương số tiền 4.500.000 đồng chưa trả.

Tổng số tiền **H** cho bà **L** vay là 15.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính: 4.193.835 đồng.

5. Chị **Tổng Thị H1** (sinh năm 1982, nơi cư trú: **Thôn A, xã H, thành phố B**) vay tiền góp 02 lần:

Lần 1: Khoảng tháng 9/2023, **H** cho vay số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 200.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 250.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 6.250.000 đồng. Khoản vay này, **H** đã thu đủ 25 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 6.250.000 đồng.

Lần 2: Ngày 23/9/2023, **H** cho vay số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 500.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 500.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 12.500.000 đồng, **H** đã thu được 07 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 3.500.000 đồng. Hiện còn nợ 18 ngày, tương đương số tiền 9.000.000 đồng chưa trả.

Tổng số tiền **H** cho chị **H1** vay là 15.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính: 2.543.150 đồng.

6. Bà **Dương Thị T5** (sinh năm 1973, nơi cư trú: **l N, phường T, thành phố B**) vay tiền góp cụ thể như sau:

Khoản vay thứ nhất:

Lần 1: Khoảng tháng 9/2023, **H** cho vay số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong 31 ngày, không thu phí, mỗi ngày phải trả số tiền 200.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 6.200.000 đồng. Khoản vay này, **H** đã thu đủ 31 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 6.200.000 đồng.

Lần 2: Ngày 23/9/2023, **H** cho vay số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong 31 ngày, không thu phí, mỗi ngày phải trả số tiền 200.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 6.200.000 đồng, **H** đã thu được 07 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 1.400.000 đồng. Hiện còn nợ 18 ngày, tương đương số tiền 4.800.000 đồng chưa trả.

Khoản vay thứ hai:

Lần 1: Khoảng tháng 8/2023, **H** cho vay số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong 31 ngày, không thu phí, mỗi ngày phải trả số tiền 400.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 12.400.000 đồng. Khoản vay này, **H** đã thu đủ 31 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 12.400.000 đồng.

Lần 2: Khoảng tháng 9/2023, **H** cho vay số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong 31 ngày, không thu phí, mỗi ngày phải trả số tiền 400.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 12.400.000 đồng. Khoản vay này, **H** đã thu đủ 31 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 12.400.000 đồng.

Lần 3: Ngày 20/9/2023, **H** cho vay số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong 31 ngày, không thu phí, mỗi ngày phải trả số tiền 400.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 12.400.000 đồng. **H** đã thu được 09 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 3.600.000 đồng. Hiện còn nợ 22 ngày, tương đương số tiền 8.800.000 đồng chưa trả.

Tổng số tiền **H** cho bà **T5** vay là 40.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính: 6.474.591,25 đồng.

7. Chị **Lê Thị T6** (sinh năm 1974, nơi cư trú: **Số A P, phường T, thành phố B**) vay tiền góp 02 lần:

Lần 1: Khoảng tháng 9/2023, **H** cho vay số tiền 2.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 100.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 100.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 2.500.000 đồng. Khoản vay này, **H** đã thu đủ 25 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 2.500.000 đồng.

Lần 2: Ngày 21/9/2023, **H** cho vay số tiền 2.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 100.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 100.000 đồng, tổng số tiền

gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 2.500.000 đồng, **H** đã thu được 11 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 1.100.000 đồng. Hiện còn nợ 14 ngày, tương đương số tiền 1.400.000 đồng chưa trả.

Tổng số tiền **H** cho chị **T6** vay là 4.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính: 880.547 đồng.

8. Chị **Mạch Thị Mỹ T7** (sinh năm 1975, nơi cư trú: **Số E P, phường T, thành phố B**) vay tiền góp 02 lần:

Lần 1: Khoảng tháng 9/2023, **H** cho vay số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 500.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 250.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 6.250.000 đồng. Khoản vay này, **H** đã thu đủ 25 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 6.250.000 đồng.

Lần 2: Ngày 18/9/2023, **H** cho vay số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 500.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 250.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 6.250.000 đồng, **H** đã thu được 09 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 2.250.000 đồng. Hiện còn nợ 16 ngày, tương đương số tiền 4.000.000 đồng chưa trả.

Tổng số tiền **H** cho chị **T7** vay là 10.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính: 2.606.849 đồng.

9. Chị **Tổng Thị K1** (sinh năm 1980, nơi cư trú: **Thôn A, xã H, thành phố B**) vay tiền góp 02 lần:

Lần 1: Khoảng tháng 9/2023, **H** cho vay số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 500.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 500.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 12.500.000 đồng. Khoản vay này, **H** đã thu đủ 25 ngày với số tiền cả gốc và lãi là 12.500.000 đồng.

Lần 2: Ngày 25/9/2023, **H** cho vay số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 500.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 500.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 12.500.000 đồng, **H** đã thu được 06 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 3.000.000 đồng. Hiện còn nợ 19 ngày, tương đương số tiền 9.500.000 đồng chưa trả.

Tổng số tiền **H** cho chị **Q** vay là 20.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính: 3.930.136 đồng.

10. Chị **Tổng Thị C** (sinh năm 1978, nơi cư trú: **Thôn A, xã H, thành phố B**) cho vay tiền góp 01 lần:

Ngày 28/9/2023, **H** cho vay số tiền 3.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 100.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 3.750.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 300.000 đồng, **H** đã thu được 03 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 450.000 đồng. Hiện còn nợ 22 ngày, tương đương số tiền 3.300.000 đồng chưa trả. Số tiền **H** cho chị **C** vay là 3.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính: 185.068 đồng.

11. Chị **Lê Thị Thái T8 (H5)** (sinh năm 1985, nơi cư trú: **Thôn F, xã H, thành phố B**) vay tiền góp 02 lần:

Lần 1: Khoảng tháng 9/2023, **H** cho vay số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 500.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 500.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 12.500.000 đồng. Khoản vay này, **H** đã thu đủ 25 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 12.500.000 đồng.

Lần 2: Ngày 21/9/2023, **H** cho vay số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 500.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 500.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 12.500.000 đồng, **H** đã thu được 09 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 4.500.000 đồng. Hiện còn nợ 16 ngày, tương đương số tiền 8.000.000 đồng chưa trả.

Tổng số tiền **H** cho chị **T8** vay là 20.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính: 4.213.698 đồng.

12. Chị **Vũ Thị O** (sinh năm 1966, nơi cư trú: **C N, phường T, thành phố B**) vay tiền góp 03 lần:

Lần 1: Khoảng giữa tháng 8/2023, **H** cho vay số tiền 14.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 1.400.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 700.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 17.500.000 đồng. Khoản vay này, **H** đã thu đủ 25 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 17.500.000 đồng.

Lần 2: Khoảng đầu tháng 9/2023, **H** cho vay số tiền 14.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 1.400.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 700.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 17.500.000 đồng. Khoản vay này, **H** đã thu đủ 25 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 17.500.000 đồng.

Lần 3: Ngày 27/9/2023, **H** cho vay số tiền 14.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 1.400.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 700.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 17.500.000 đồng, **H** đã thu được 03 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 2.100.000 đồng. Hiện còn nợ 22 ngày, tương đương số tiền 15.400.000 đồng chưa trả.

Tổng số tiền **H** cho chị **O** vay là 42.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính: 11.213.424 đồng.

13. Chị **Lê Thị T9** (sinh năm 1986, nơi cư trú: **Thôn C, xã H, thành phố B**) vay tiền góp 02 lần:

Lần 1: Khoảng giữa tháng 9/2023, **H** cho vay số tiền 4.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 200.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 200.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 5.000.000 đồng. Khoản vay này, **H** đã thu đủ 25 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 5.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 24/9/2023, **H** cho vay số tiền 4.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 200.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 200.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 5.000.000 đồng, **H** đã thu được 07 ngày với số tiền

cả gốc và lãi là: 1.400.000 đồng. Hiện còn nợ 18 ngày, tương đương số tiền 4.500.000 đồng chưa trả.

Tổng số tiền **H** cho chị **T9** vay là 8.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính: 1.609.863 đồng.

14. Anh **Đặng Ngọc T10** (sinh năm 1972, nơi cư trú: **Thôn A, xã H, thành phố B**), vay tiền góp 2 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Tháng 8/2023, **H** cho vay số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong 31 ngày, thu phí 400.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 200.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 6.200.000 đồng. Khoản vay này, **H** đã thu đủ 31 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 6.200.000 đồng.

Lần 2: Ngày 12/9/2023, **H** cho vay số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong 31 ngày, thu phí 400.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 200.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 6.200.000 đồng. Khoản vay này, **H** đã thu được 10 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 2.000.000 đồng. Hiện còn nợ 21 ngày, tương đương số tiền 4.200.000 đồng chưa trả.

Tổng số tiền **H** cho anh **T10** vay là 10.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính: 2.274.768 đồng.

15. Chị **H' Khanh Byă** (sinh năm 1960, nơi cư trú: **Số G N, phường T, thành phố B**) vay tiền góp 2 lần:

Lần 1: Tháng 8/2023, **H** cho vay số tiền 3.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 300.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 150.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 3.750.000 đồng. Khoản vay này, **H** đã thu đủ 25 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 3.750.000 đồng.

Lần 2: Ngày 16/9/2023, **H** cho vay số tiền 3.000.000đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 300.000đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 150.000đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 3.750.000 đồng. Khoản vay này, **H** đã thu được 10 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 1.500.000đồng. Hiện còn nợ 15 ngày, tương đương số tiền 2.250.000 đồng chưa trả.

Tổng số tiền **H** cho chị **H6** vay là 6.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính: 1.592.465 đồng.

16. Chị **Nguyễn Thị Hồng L1** (sinh năm 1978, nơi cư trú: **Số E P, phường T, thành phố B**) vay tiền góp 2 lần:

Lần 1: Tháng 8/2023, **H** cho vay số tiền 5.000.000đồng, trả góp trong 31 ngày, thu phí 500.000đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 200.000đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 6.200.000đồng. Khoản vay này, **H** đã thu đủ 31 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 6.200.000đồng.

Lần 2: Ngày 12/9/2023, **H** cho vay số tiền 5.000.000đồng, trả góp trong 31 ngày, thu phí 500.000đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 200.000đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 6.200.000đồng. Khoản vay này, **H** đã thu được 6

ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 1.200.000đồng. Hiện còn nợ 25 ngày, tương đương số tiền 5.000.000đồng chưa trả.

Tổng số tiền **H** cho chị **L1** vay là 10.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính: 2.330.888 đồng.

Tổng số tiền **Nguyễn Thái H** đã cho 16 người vay là: 289.000.000 đồng. Lãi suất vượt quá so với lãi suất của Nhà nước cho phép là: Từ 14,13 lần đến 18,25 lần. Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 64.001.617 đồng.

Từ tháng 7 năm 2023 đến tháng 10 năm 2023 tại **thành phố B Nguyễn Quốc D** đã cho nhiều người vay tiền với lãi suất cao thu lợi bất chính, cụ thể:

1. Chị **Huỳnh Thị Bảo T11** (sinh năm 1982, nơi cư trú: **3 T, phường T, thành phố B**) vay tiền góp 3 lần:

Lần 1: Tháng 8/2023, **D** cho vay số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 400.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 250.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 6.250.000 đồng. Khoản vay này, **D** đã thu đủ 25 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 6.250.000 đồng.

Lần 2: **D** cho vay số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 400.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 250.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 6.250.000 đồng. Khoản vay này, **D** đã thu đủ 25 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 6.250.000 đồng.

Lần 3: Ngày 30/09/2023, **D** cho vay số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 400.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 250.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 6.250.000 đồng. Khoản vay này, **D** đã thu được 04 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 1.000.000 đồng. Hiện còn nợ 21 ngày, tương đương số tiền 5.250.000 đồng chưa trả.

Tổng số tiền **D** cho chị **T11** vay là: 15.000.000đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính: 3.752.054,79 đồng.

2. Chị **Nguyễn Thị Hồng L1** (sinh năm 1978, nơi cư trú: **Số E P, phường T, thành phố B**) vay tiền góp 3 lần:

Lần 1: Tháng 9/2023, **D** cho vay số tiền 2.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 200.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 100.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 2.500.000 đồng. Khoản vay này, **D** đã thu đủ 25 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 2.500.000 đồng.

Lần 2: **D** cho vay số tiền 3.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 300.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 150.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 3.750.000 đồng. Khoản vay này, **D** đã thu đủ 25 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 3.750.000 đồng.

Lần 3: Ngày 29/09/2023, **D** cho vay số tiền 3.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 300.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 150.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 3.750.000 đồng. Khoản vay này, **D** đã thu

được 03 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 450.000 đồng. Hiện còn nợ 22 ngày, tương đương số tiền 3.300.000 đồng chưa trả.

Tổng số tiền **D** cho chị **L1** vay là: 8.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính: 2.066.575 đồng.

3. Chị **Trần Thị H3** (sinh năm 1980, nơi cư trú: **Tổ dân phố F, phường E, thành phố B**) vay tiền góp 1 lần :

Ngày 26/09/2023, **D** cho vay số tiền 3.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 300.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 150.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 3.750.000 đồng. Khoản vay này, **D** đã thu được 05 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 750.000 đồng. Hiện còn nợ 20 ngày, tương đương số tiền 3.000.000 đồng chưa trả. Số tiền thu lợi bất chính: 441.780 đồng.

4. Chị **Lê Thị Minh N2** (sinh năm 1977, nơi cư trú: **Thôn T, xã E, thành phố B**) vay tiền góp 4 lần:

Lần 1: Tháng 8/2023, **D** cho vay số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 1.000.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 500.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 12.500.000 đồng. Khoản vay này, **D** đã thu đủ 25 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 12.500.000 đồng.

Lần 2: **D** cho vay số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 1.000.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 500.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 12.500.000 đồng. Khoản vay này, **D** đã thu đủ 25 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 12.500.000 đồng.

Lần 3: **D** cho vay số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 800.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 500.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 12.500.000 đồng. Khoản vay này, **D** đã thu đủ 25 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 12.500.000 đồng.

Lần 4: Ngày 25/09/2023, **D** cho vay số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 800.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 500.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 12.500.000 đồng. Khoản vay này, **D** đã thu được 06 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 3.000.000 đồng. Hiện còn nợ 19 ngày, tương đương số tiền 9.500.000 đồng chưa trả.

Tổng số tiền **D** cho chị **N2** vay là: 40.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính: 11.360.273 đồng.

5. Chị **Niê Thị L2** (sinh năm 1974, nơi cư trú: **Số G N, phường T, thành phố B**) vay tiền góp 2 lần :

Lần 1: Tháng 8/2023, **D** cho vay số tiền 3.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 300.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 150.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 3.750.000 đồng. Khoản vay này, **D** đã thu đủ 25 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 3.750.000 đồng.

Lần 2: **D** cho vay số tiền 3.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 300.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 150.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 3.750.000 đồng. Khoản vay này, **D** đã thu được 08 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 1.200.000 đồng. Hiện còn nợ 17 ngày, tương đương số tiền 2.550.000 đồng chưa trả.

Tổng số tiền **D** cho chị **L2** vay là: 6.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính: 1.535.753 đồng.

6. Chị **Phạm Thị P** (sinh năm 1962, nơi cư trú: **Số A P, phường T, thành phố B**) vay tiền góp 2 lần:

Lần 1: Tháng 8/2023, **D** cho vay số tiền 2.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 200.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 100.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 2.500.000 đồng. Khoản vay này, **D** đã thu đủ 25 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 2.500.000 đồng.

Lần 2: **D** cho vay số tiền 2.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 200.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 100.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 2.500.000 đồng. Khoản vay này, **D** đã thu được 08 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 800.000 đồng. Hiện còn nợ 17 ngày, tương đương số tiền 1.700.000 đồng chưa trả.

Tổng số tiền **D** cho chị **P** vay là: 4.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính: 1.023.835 đồng.

7. Chị **Phan Thị Phương T12** (sinh năm 1982, nơi cư trú: **Số I H, phường T, thành phố B**) vay tiền góp 3 lần:

Lần 1: Tháng 9/2023, **D** cho vay số tiền 4.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 400.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 200.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 5.000.000 đồng. Khoản vay này, **D** đã thu đủ 25 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 5.000.000 đồng.

Lần 2: **D** cho vay số tiền 4.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 400.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 200.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 5.000.000 đồng. Khoản vay này, **D** đã thu đủ 25 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 5.000.000 đồng.

Lần 3: Ngày 21/09/2023, **D** cho vay số tiền 4.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 400.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 200.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 5.000.000 đồng. Khoản vay này, **D** đã thu được 11 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 2.200.000 đồng. Hiện còn nợ 14 ngày, tương đương số tiền 2.800.000 đồng chưa trả.

Tổng số tiền **D** cho chị **T12** vay là: 12.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính: 3.506.301 đồng.

8. Chị **Nguyễn Thị Thanh Q** (sinh năm 1979, nơi cư trú: **Số I H, phường T, thành phố B**) vay tiền góp 2 lần:

Lần 1: Tháng 9/2023, **D** cho vay số tiền 3.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 300.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 150.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 3.750.000 đồng. Khoản vay này, **D** đã thu đủ 25 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 3.750.000 đồng.

Lần 2: **D** cho vay số tiền 4.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 400.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 200.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 5.000.000 đồng. Khoản vay này, **D** đã thu được 16 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 3.200.000 đồng. Hiện còn nợ 9 ngày, tương đương số tiền 1.800.000 đồng chưa trả.

Tổng số tiền **D** cho chị **Q** vay là: 7.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính: 2.013.835 đồng.

9. Chị **Nguyễn Thị H4** (sinh năm 1979, nơi cư trú: **Số A V, phường K, thành phố B**) vay tiền góp 1 lần:

D cho vay số tiền 3.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 300.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 150.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 3.750.000 đồng. Khoản vay này, **D** đã thu được 15 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 2.250.000 đồng. Hiện còn nợ 10 ngày, tương đương số tiền 1.500.000 đồng chưa trả. Tổng số tiền **D** cho chị **H4** vay là: 3.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính: 725.342 đồng.

10. Chị **Trần Thị Thủy N3** (sinh năm 2004, nơi cư trú: **Số B T, phường K, thành phố B**) vay tiền góp 2 lần:

Lần 1: **D** cho vay số tiền 2.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 200.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 100.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 2.500.000 đồng. Khoản vay này, **D** đã thu đủ 25 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 2.500.000 đồng.

Lần 2: **D** cho vay số tiền 3.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 300.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 150.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 3.750.000 đồng. Khoản vay này, **D** đã thu được 15 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 2.250.000 đồng. Hiện còn nợ 10 ngày, tương đương số tiền 1.500.000 đồng chưa trả.

Tổng số tiền **D** cho chị **N3** vay là: 5.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính: 1.397.945 đồng.

11. Chị **Trần Thị N4** (sinh năm 1972, nơi cư trú: **Số A P, phường K, thành phố B**) vay tiền góp 3 lần:

Lần 1: Tháng 8/2023, **D** cho vay số tiền 3.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 300.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 150.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 3.750.000 đồng. Khoản vay này, **D** đã thu đủ 25 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 3.750.000 đồng.

Lần 2: **D** cho vay số tiền 3.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 300.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 150.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi

đóng xong sẽ là 3.750.000 đồng. Khoản vay này, **D** đã thu đủ 25 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 3.750.000 đồng.

Lần 3: Ngày 16/09/2023, **D** cho vay số tiền 4.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 400.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 200.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 5.000.000 đồng. Khoản vay này, **D** đã thu được 14 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 2.800.000 đồng. Hiện còn nợ 11 ngày, tương đương số tiền 2.200.000 đồng chưa trả.

Tổng số tiền **D** cho chị **N4** vay là: 10.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính: 2.947.123 đồng.

12. Chị **Nguyễn Thị Thanh T13** (sinh năm 1983, nơi cư trú: **Số A P, phường K, thành phố B**) vay tiền góp 3 lần :

Lần 1: Tháng 8/2023, **D** cho vay số tiền 4.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 400.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 200.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 5.000.000 đồng. Khoản vay này, **D** đã thu đủ 25 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 5.000.000 đồng.

Lần 2: **D** cho vay số tiền 4.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 400.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 200.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 5.000.000 đồng. Khoản vay này, **D** đã thu đủ 25 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 5.000.000 đồng.

Lần 3: Ngày 11/09/2023, **D** cho vay số tiền 4.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 400.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 200.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 5.000.000 đồng. Khoản vay này, **D** đã thu được 15 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 3.000.000 đồng. Hiện còn nợ 10 ngày, tương đương số tiền 2.000.000 đồng chưa trả.

Tổng số tiền **D** cho chị **T13** vay là: 12.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính: 3.657.534 đồng.

13. Chị **Bùi Thị H5** (sinh năm 1959, nơi cư trú: **B H, phường T, thành phố B**) vay tiền góp 1 lần :

Ngày 08/09/2023, **D** cho vay số tiền 2.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 200.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 100.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 2.500.000 đồng. Khoản vay này, **D** đã thu được 23 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 2.300.000 đồng. Hiện còn nợ 2 ngày, tương đương số tiền 200.000 đồng chưa trả. Số tiền **D** cho chị **H5** vay là: 2.000.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính: 634.794 đồng.

14. Chị H' **Linh Trang N5** (sinh năm 2000, nơi cư trú: **Số C H, phường T, thành phố B**) vay tiền góp 1 lần:

Tháng 8/2023, **D** cho vay số tiền 3.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 300.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 150.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 3.750.000 đồng. Khoản vay này, **D** đã thu đủ 25 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 3.750.000 đồng. Số tiền **D** cho chị **T12** vay là: 3.000.000

đồng. Số tiền thu lợi bất chính: 1.008.904 đồng.

15. Chị **Nguyễn Đoàn Tú N6** (sinh năm 1993, nơi cư trú: **Số C Đường A, xã C, thành phố B**) vay tiền góp 3 lần:

Lần 1: **D** cho vay số tiền 4.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 400.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 200.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 5.000.000 đồng. Khoản vay này, **D** đã thu đủ 25 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 5.000.000 đồng.

Lần 2: **D** cho vay số tiền 4.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 400.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 200.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 5.000.000 đồng. Khoản vay này, **D** đã thu đủ 25 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 5.000.000 đồng.

Lần 3: **D** cho vay số tiền 4.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, thu phí 400.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 200.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi khi đóng xong sẽ là 5.000.000 đồng. Khoản vay này, **D** đã thu được 9 ngày với số tiền cả gốc và lãi là: 1.800.000 đồng. Hiện còn nợ 16 ngày, tương đương số tiền 3.200.000 đồng chưa trả.

Tổng số tiền **D** cho chị **N6** vay là: 12.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính: 3.430.684 đồng.

16. Chị **Lê Thị Ngọc T14** (sinh năm 1976, nơi thường trú: **Số C Đ, phường T, thành phố B**) vay tiền góp 1 lần:

Ngày 14/09/2023, **D** cho vay số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 31 ngày, thu phí gói vay là 500.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 200.000 đồng. Khoản vay này, **D** đã thu được 16 ngày với số tiền cả gốc và lãi là 3.200.000 đồng. Hiện còn nợ 15 ngày, tương đương số tiền 3.000.000 đồng chưa trả. Số tiền **D** cho chị **T14** vay là: 5.000.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính: 1.075.519 đồng.

17. Chị **Nông Thị Thanh B** (sinh năm 1986, nơi thường trú: 77 **N, phường T, thành phố B**) vay tiền góp 1 lần:

Ngày 30/08/2023, **D** cho vay số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 25 ngày, thu phí gói vay là 250.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 250.000 đồng. Khoản vay này, **D** đã thu đủ số tiền cả gốc và lãi là 6.250.000 đồng. Số tiền **D** cho chị **B** vay là: 5.000.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính: 1.431.506 đồng.

18. Chị **Lê Thị Mỹ D1** (sinh năm 1966, nơi thường trú: 4 **H, phường T, thành phố B**) vay tiền góp 3 lần:

Lần 1: Vào tháng 08/2023, **D** cho vay số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 25 ngày, thu phí gói vay là 500.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 250.000 đồng. Khoản vay này, **D** đã thu đủ số tiền cả gốc và lãi là 6.250.000 đồng.

Lần 2: **D** cho vay số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 31 ngày, thu phí gói vay là 500.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 200.000 đồng. Khoản vay này, **D** đã thu đủ số tiền cả gốc và lãi là 6.200.000 đồng.

Lần 3: **D** cho vay số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 31 ngày, thu phí gói vay là 500.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 200.000 đồng. Gói vay này, **D** đã thu được 09 ngày với số tiền gốc và lãi là 1.800.000 đồng. Hiện còn nợ 22 ngày, tương đương số tiền 4.200.000 đồng chưa trả.

Tổng số tiền **D** cho chị **D1** vay là: 15.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính: 4.120.304 đồng.

19. Chị **Trần Thị C1** (sinh năm 1976, nơi thường trú: **Số C P, phường T, thành phố B**) vay tiền góp 3 lần:

Lần 1: Vào tháng 08/2023, **D** cho vay số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 25 ngày, thu phí gói vay là 500.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 250.000 đồng. Khoản vay này, **D** đã thu đủ số tiền cả gốc và lãi là 6.250.000 đồng.

Lần 2: **D** cho vay số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 25 ngày, thu phí gói vay là 500.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 250.000 đồng. Khoản vay này, **D** đã thu đủ số tiền cả gốc và lãi là 6.250.000 đồng.

Lần 3: **D** cho vay số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 25 ngày, thu phí gói vay là 500.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 250.000 đồng. Gói vay này, **D** đã thu được 09 ngày với số tiền gốc và lãi là 2.250.000 đồng. Hiện còn nợ 16 ngày, tương đương số tiền 4.000.000 đồng chưa trả.

Tổng số tiền **D** cho chị **C1** vay là: 15.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính: 4.288.356 đồng.

20. Chị **Phạm Thị Thúy N7** (sinh năm 1962, nơi thường trú: **TDP6, phường T, thành phố B**) vay tiền góp 1 lần :

Tháng 9/2023, **D** cho vay số tiền 6.000.000 đồng, trả góp trong vòng 25 ngày, thu phí gói vay là 600.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 300.000 đồng. Gói vay này, **D** đã thu được 13 ngày với số tiền gốc và lãi là 3.900.000 đồng. Hiện còn nợ 12 ngày, tương đương số tiền 3.600.000 đồng chưa trả. Số tiền **D** cho chị **N7** vay là: 6.000.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính: 1.337.260 đồng.

21. Chị **Phan Thị Ngọc Y** (sinh năm 1980, nơi thường trú: **Số H P, phường T, thành phố B**) vay tiền góp 2 lần:

Lần 1: Vào tháng 9/2023, **D** cho vay số tiền 3.000.000 đồng, trả góp trong vòng 25 ngày, thu phí gói vay là 300.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 150.000 đồng. Khoản vay này, **D** đã thu đủ số tiền cả gốc và lãi là 3.750.000 đồng.

Lần 2: **D** cho vay số tiền 3.000.000 đồng, trả góp trong vòng 25 ngày, thu phí gói vay là 300.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 150.000 đồng. Gói vay này, **D** đã thu được 5 ngày với số tiền gốc và lãi là 750.000 đồng. Hiện còn nợ 20 ngày, tương đương số tiền 3.000.000 đồng chưa trả.

Tổng số tiền **D** cho chị **Y** vay là: 6.000.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính: 1.450.684 đồng.

22. Chị **Nguyễn Thị Tuyết T15** (sinh năm 1974, nơi thường trú: **Số A H, phường T, thành phố B**), vay tiền góp 2 lần:

Lần 1: Vào tháng 9/2023, **D** cho vay số tiền 2.000.000 đồng, trả góp trong vòng 25 ngày, thu phí gói vay là 200.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 100.000 đồng. Khoản vay này, **D** đã thu đủ số tiền cả gốc và lãi là 2.500.000 đồng.

Lần 2: **D** cho vay số tiền 2.000.000 đồng, trả góp trong vòng 25 ngày, thu phí gói vay là 200.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 100.000 đồng. Gói vay này, **D** đã thu được 9 ngày với số tiền gốc và lãi là 900.000 đồng. Hiện còn nợ 16 ngày, tương đương số tiền 1.600.000 đồng chưa trả.

Tổng số tiền **D** cho chị **T15** vay là: 4.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính: 1.042.739 đồng.

23. Chị **Trần Hải G1** (sinh năm 2000, nơi thường trú: **Số A P, xã C, thành phố B**) vay tiền góp 1 lần:

Tháng 9/2023, **D** cho vay số tiền 2.000.000 đồng, trả góp trong vòng 25 ngày, thu phí gói vay là 200.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 100.000 đồng. Gói vay này, **D** đã thu được 21 ngày với số tiền gốc và lãi là 2.100.000 đồng. Hiện còn nợ 4 ngày, tương đương số tiền 400.000 đồng chưa trả. Số tiền **D** cho chị **G1** vay là: 2.000.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính: 596.986 đồng.

24. Chị **Bùi Thị L3** (sinh năm 1965, nơi thường trú: **Số A N, xã H, thành phố B**) vay tiền góp 1 lần:

Ngày 18/9/2023, **D** cho vay số tiền 4.000.000 đồng, trả góp trong vòng 25 ngày, thu phí gói vay là 400.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 200.000 đồng. Gói vay này, **D** đã thu được 12 ngày với số tiền gốc và lãi là 2.400.000 đồng. Hiện còn nợ 13 ngày, tương đương số tiền 2.600.000 đồng chưa trả. Số tiền **D** cho chị **L3** vay là: 4.000.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính: 853.698 đồng.

25. Chị **Hoàng Thị C2** (sinh năm 1974, nơi cư trú: **D N, phường T, thành phố B**) vay tiền góp 1 lần:

Ngày 21/9/2023, **D** cho vay số tiền 3.000.000 đồng, trả góp trong vòng 25 ngày, thu phí gói vay là 300.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 150.000 đồng. Gói vay này, **D** đã thu được 20 ngày với số tiền gốc và lãi là 3.000.000 đồng. Hiện còn nợ 5 ngày, tương đương số tiền 1.750.000 đồng chưa trả. Số tiền **D** cho chị **C2** vay là: 3.000.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính: 867.123 đồng.

26. Chị **Nguyễn Khánh L4** (sinh năm 1969, nơi cư trú: **Số C P, phường T, thành phố B**) vay tiền góp 1 lần:

Ngày 01/09/2023, **D** cho vay số tiền 6.000.000 đồng, trả góp trong vòng 25 ngày, thu phí gói vay là 600.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền 300.000 đồng. Gói vay này, **D** đã thu đủ gói vay với số tiền gốc và lãi là 7.500.000 đồng. Số tiền **D** cho chị **L4** vay là: 6.000.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính: 2.017.808 đồng.

Tổng số tiền **Nguyễn Quốc D** đã cho 26 người dân vay là: 213.000.000 đồng. Lãi suất vượt quá so với lãi suất của Nhà nước cho phép là: Từ 14,13 lần đến 18,25 lần. Tổng số tiền thu lợi bất chính của 26 người dân: 58.584.728,24 đồng.

Theo quy định Khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự thì lãi suất cho vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại Khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

Lãi suất tính lãi = Số tiền lãi ngày x 365 ngày x 100%

Số tiền gốc vay

Như vậy, từ tháng 7 đến tháng 10 năm 2023, **Hà Hồng T** đã thuê, cung cấp tiền cho **Nguyễn Quốc D**, **Nguyễn Thái H** thực hiện cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự tại địa bàn **thành phố B, tỉnh Đ**, tổng số tiền đã cho vay là 502.000.000 đồng, lãi suất từ 182,58% đến 365%, gấp từ 14,13 đến 18,25 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, tổng số tiền **T** thu lợi bất chính là 122.586.345 đồng.

Nguyễn Quốc D đã cho 26 người vay, tổng số tiền là 213.000.000 đồng, lãi suất từ 182,58% đến 365%, gấp từ 14,13 đến 18,25 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, tổng số tiền **D** thu lợi bất chính là 58.584.728 đồng. **Nguyễn Thái H** đã cho 16 người vay, tổng số tiền đã cho vay là 289.000.000 đồng, đồng với mức lãi suất từ 282,58%/năm đến 365%/năm, gấp từ 14,13 đến 18,25 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, tổng số tiền **H** thu lợi bất chính là 64.001.617 đồng.

Tại Cáo trạng số 90/CT-VKS -TPBMT ngày 14/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo **Hà Hồng T** về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự và truy tố các bị cáo **Nguyễn Quốc D** và **Nguyễn Thái H** về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân **thành phố B, tỉnh Đắk Lắk** giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quy định tại Điều 201 của Bộ luật hình sự đề nghị:

- Về hình phạt:

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Hà Hồng T** số tiền từ 200.000.000đ đến 250.000.000đ.

Căn cứ khoản 1 Điều 201, Điều 36, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Quốc D** từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/10/2023 đến ngày 12/10/2023.

Căn cứ khoản 1 Điều 201, Điều 36, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Thái H** từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/10/2023 đến ngày 12/10/2023.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 BLHS. Đề nghị phạt tiền bị cáo **Nguyễn Quốc D** và **Nguyễn Thái H** mỗi bị cáo từ 40.000.000đ đồng đến 50.000.000đ đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Các biện pháp tư pháp và vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 và khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Về xử lý vật chứng:

Đối với: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu trắng, số imei: 356738085069099; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia HMD Global Oy Model: TA – 1174, màu hồng, số imei: 353482151191460, là tài sản của **Nguyễn Thái H**; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8, màu trắng, số imei: 359495084904084; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia TA1010, số imei: 357342088995175 là tài sản của **Nguyễn Quốc D**, dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án;

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia HMD Global Oy Model: TA – 1174, màu xanh, số imei: 357705104693455 là tài sản của **Nguyễn Thái H** không liên quan đến hành vi phạm tội. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả chiếc điện thoại trên cho **H** nhận quản lý, sử dụng là phù hợp cần chấp nhận.

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu Trắng, biển kiểm soát 47B2 – 517.55 là tài sản của anh **Hà Đức M** (sinh năm 1990, nơi cư trú: **Thôn G, xã C, thành phố B**). Sau đó anh **M** cho **Nguyễn Thái H** mượn chiếc xe mô tô trên để làm phương tiện đi lại. Anh **M** không biết **H** sử dụng chiếc xe trên để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý anh **M** và đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47B2 – 517.55 cho anh **M** là nhận quản lý, sử dụng là phù hợp cần chấp nhận.

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen, biển kiểm soát 47M9 – 9736 là tài sản của anh **Nguyễn Phước T16** (sinh năm 1990, nơi cư trú: **Số B P, phường T, thành phố B**) anh **T16** chưa làm thủ tục sang tên, đổi chủ. Tháng 7/2023, anh **T16** cho bị cáo **Nguyễn Quốc D** (Là bạn của anh **T16**) mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47M9 – 9736 trên để làm phương tiện đi lại. **D** sử dụng chiếc xe trên để thực hiện hành vi phạm tội anh **T16** không biết nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý và đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả 01 chiếc xe mô tô trên cho anh **T16** là nhận, quản lý, sử dụng là phù hợp cần chấp nhận.

Đối với 01 Thẻ căn cước công dân số 084186013838 mang tên **Lê Thị T9**; 01 Giấy phép lái xe số 661047009344 mang tên **Nông Thị Thanh B**; 01 Giấy chứng minh nhân dân số 240393166 mang tên **Y Căn K**; 01 Hộ chiếu số C8510032 mang tên **Mạch Thị Mỹ T7**. Cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả các giấy tờ trên cho chị **T9**, **B**, **T7**, anh **Y C** quản lý, sử dụng là phù hợp cần chấp nhận.

Đối với số tiền 2.490.000đồng là tài sản thuộc quyền sở hữu của **Nguyễn Quốc D** không sử dụng vào mục đích phạm tội nên cần trả lại cho **D** nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 và 01 quyển sổ là tài sản của **Hà Hồng T** dùng vào việc phạm tội, **T** đã vứt bỏ (không rõ địa điểm) Cơ quan điều tra không tạm giữ được nên không đề cập xử lý.

Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo **Hà Hồng T** phải trả lại tổng số tiền 122.586.345 đồng là tiền thu lợi bất chính cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, cụ thể: Trả cho anh **Y Căn K** số tiền 4.552.054 đồng; Chị **Từ Thị Kiều T4** số tiền 14.630.136 đồng; Chị **Nông Thị Thanh B** số tiền 770.136 đồng; Chị **Trần Thị L** số tiền 4.193.835 đồng; Chị **Tổng Thị H1** số tiền 2.543.150 đồng; Chị **Dương Thị T5** số tiền 6.474.591 đồng; Chị **Lê Thị T6** số tiền 880.547 đồng; Chị **Mạch Thị Mỹ T7** số tiền 2.606.849 đồng; Chị **Tổng Thị K1** số tiền 3.930.136 đồng; Chị **Tổng Thị C** số tiền 185.068 đồng; Chị **Lê Thị Thái T8** số tiền 4.213.698 đồng; Chị **Vũ Thị O** số tiền 11.213.424 đồng; Chị **Lê Thị T9** số tiền 1.609.863 đồng; Anh **Đặng Ngọc T10** số tiền 2.274.768 đồng; Chị H' Khanh Bya số tiền 1.592.465 đồng và chị **Nguyễn Thị Hồng L1** số tiền 2.330.888 đồng; Trả cho chị **Huỳnh Thị Bảo T11** số tiền 3.752.054 đồng; Chị **Nguyễn Thị Hồng L1** số tiền 2.066.575 đồng; Chị **Trần Thị H3** số tiền 441.780 đồng; Chị **Lê Thị Minh N2** số tiền 11.360.273 đồng; Chị **Niê Thị L2** số tiền 1.535.753 đồng; Chị **Phạm Thị P** số tiền 1.023.835 đồng; Chị **Phan Thị Phương T12** số tiền 3.506.301 đồng; Chị **Nguyễn Thị Thanh Q** số tiền 2.013.835 đồng; Chị **Nguyễn Thị H4** số tiền 725.342 đồng; Chị **Trần Thị Thủy N3** số tiền 1.397.945 đồng; Chị **Trần Thị N4** số tiền 2.947.123 đồng; Chị **Nguyễn Thị Thanh T13** số tiền 3.657.534 đồng; Chị **Bùi Thị Hằng s** tiền 634.794 đồng; Chị H' **Linh Trang N5** số tiền 1.008.904 đồng; Chị **Nguyễn Đoàn Tú N6** số tiền 3.430.684 đồng; Chị **Lê Thị Ngọc T14** số tiền 1.075.519 đồng; Chị **Nông Thị Thanh B** số tiền 1.431.506 đồng; Chị **Lê Thị Mỹ Duyên s1** tiền 4.120.304 đồng; Chị **Trần Thị C1** số tiền 4.288.356 đồng; Chị **Phạm Thị Thúy N7** số tiền 1.337.260 đồng; Chị **Phan Thị Ngọc Y** số tiền 1.450.684 đồng; Chị **Nguyễn Thị Tuyết T15** số tiền 1.042.739 đồng; Chị **Trần Hải G1** số tiền 596.986 đồng; Chị **Bùi Thị L3** số tiền 853.698 đồng; Chị **Hoàng Thị C2** số tiền 867.123 đồng; Chị **Nguyễn Khánh L4** số tiền 2.017.808 đồng.

Truy thu từ **Hà Hồng T** tổng số tiền 355.713.653 đồng (trong đó, số tiền 350.845.161 đồng là tiền gốc người vay đã trả và số tiền 4.868.492 đồng là tiền lãi theo quy định, lãi suất 20%) nộp ngân sách Nhà nước.

Buộc những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (người vay tiền) phải nộp số tiền 151.154.837 đồng nợ gốc đã vay chưa trả cho bị cáo **Hà Hồng T**, để nộp sung ngân sách Nhà nước, cụ thể: Anh **Y Căn K** số tiền 9.200.000 đồng; Chị **Từ Thị Kiều T4** số tiền 18.400.000 đồng; Chị **Nông Thị Thanh B** số tiền 5.280.000 đồng; Chị **Trần Thị L** số tiền 3.600.000 đồng; Chị **Tổng Thị H1** số tiền 7.200.000 đồng; Chị **Dương Thị T5** số tiền 10.967.741 đồng; Chị **Lê Thị T6** số tiền 1.120.000 đồng; Chị **Mạch Thị Mỹ T7** số tiền 3.200.000 đồng; Chị **Tổng Thị K1** số tiền 7.600.000 đồng; Chị **Tổng Thị C** số tiền 2.640.000 đồng; Chị **Lê Thị Thái T8** số tiền 6.400.000 đồng; Chị **Vũ Thị O** số tiền 12.320.000 đồng; Chị **Lê Thị T9** số tiền 2.880.000 đồng; Anh **Đặng Ngọc T10** số tiền 3.387.096 đồng; Chị **H' Khanh Byă** số tiền 1.800.000 đồng và chị **Nguyễn Thị Hồng L1** số tiền 4.032.258 đồng; Chị **Huỳnh Thị Bảo T11** số tiền 4.200.000 đồng; Chị **Nguyễn Thị Hồng L1** số tiền 2.640.000 đồng; Chị **Trần Thị H3** số tiền 2.400.000 đồng; Chị **Lê Thị Minh N2** số tiền 7.600.000 đồng; Chị **Niê Thị L2** số tiền 2.040.000 đồng; Chị **Phạm Thị P** số tiền 1.360.000 đồng; Chị **Phan Thị Phương T12** số tiền 2.240.000 đồng; Chị **Nguyễn Thị Thanh Q** số tiền 1.440.000 đồng; Chị **Nguyễn Thị H4** số tiền 1.200.000 đồng; Chị **Trần Thị Thủy N3** số tiền 1.200.000 đồng; Chị **Trần Thị N4** số tiền 1.760.000 đồng; Chị **Nguyễn Thị Thanh T13** số tiền 1.600.000 đồng; Chị **Bùi Thị Hằng s** tiền 160.000 đồng; Chị **Nguyễn Đoàn T17** Ngân số tiền 2.560.000 đồng; Chị **Lê Thị Ngọc T14** số tiền 2.419.354,84 đồng; Chị **Lê Thị Mỹ Duyên s1** tiền 3.548.387 đồng; Chị **Trần Thị C1** số tiền 3.200.000 đồng; Chị **Phạm Thị Thúy N7** số tiền 2.880.000 đồng; Chị **Phan Thị Ngọc Y** số tiền 2.400.000 đồng; Chị **Nguyễn Thị Tuyết T15** số tiền 1.280.000 đồng; Chị **Trần Hải G1** số tiền 320.000 đồng; Chị **Bùi Thị L3** số tiền 2.080.000 đồng; chị **Hoàng Thị C2** số tiền 600.000 đồng.

Tại phiên tòa, các bị cáo không tranh luận gì với đại diện viện kiểm sát mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, cụ thể: Do ý thức coi thường pháp luật, coi thường các quy định về quản lý kinh tế và vụ lợi bất chính nên trong khoảng thời gian từ tháng 7 năm 2023 đến

tháng 10 năm 2023, **Hà Hồng T** cùng đồng bọn **Nguyễn Quốc D**, **Nguyễn Thái H** cho tổng cộng 42 người vay, tổng số tiền cho vay là 501.999.998 đồng, lãi suất 282,58%/năm đến 365%/năm, gấp từ 14,13 đến 18,25 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, tổng số tiền thu lợi bất chính là 122.586.345 đồng, cụ thể:

Bị cáo **Nguyễn Quốc D** đã cho 26 người vay tiền với tổng số tiền đã cho vay là 212.999.999 đồng, lãi suất 282,58%/năm đến 365%/năm, gấp từ 14,13 đến 18,25 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, tổng số tiền thu lợi bất chính là 58.584.728 đồng.

Bị cáo **Nguyễn Thái H** đã cho 16 người vay tiền với tổng số tiền đã cho vay là 288.999.999 đồng, lãi suất 282,58%/năm đến 365%/năm, gấp từ 14,13 đến 18,25 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, tổng số tiền thu lợi bất chính là 64.001.617 đồng.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân **thành phố Buôn Ma Thuột** truy tố đối với bị cáo **Hà Hồng T** về tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự và truy tố các bị cáo **Nguyễn Quốc D**, **Nguyễn Thái H** về tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

Điều 201 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm;

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”

[3] Xét hành vi của các bị cáo tuy đơn giản nhưng nguy hiểm cho xã hội, hành vi của các bị cáo không những đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, xã hội nói chung. Các bị cáo nhận thức được pháp luật; biết rõ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật nhưng vì háo lợi, muốn có tiền một cách nhanh chóng nên **Hà Hồng T** cùng đồng bọn **Nguyễn Quốc D**, **Nguyễn Thái H** cho tổng cộng 42 người vay, tổng số tiền cho vay là 501.999.998 đồng, lãi suất 282,58%/năm đến 365%/năm, gấp từ 14,13 đến 18,25 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, tổng số tiền thu lợi bất chính là 122.586.345 đồng nên cần phải xử lý nghiêm để các bị cáo có điều kiện được giáo dục và cải tạo thành người công dân tốt, cũng như răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Ngày 29/9/2020 bị cáo **Nguyễn Thái H** bị Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ xử phạt 25 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; ngày 09/5/2022 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, bị cáo chưa được xóa án tích nên thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo **Hà Hồng T** và bị cáo **Nguyễn Quốc D** đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo **Hà Hồng T** có ông bà ngoại là người có công với cách mạng nên thuộc tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Bị cáo **Nguyễn Thái H** thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật nhà nước ta;

[5]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo **Nguyễn Quốc D** và **Nguyễn Thái H** cho vay lãi nặng và thu lợi bất chính nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo cụ thể phạt bị cáo **Nguyễn Quốc D** số tiền 45.000.000đ và phạt bị cáo **Nguyễn Thái H** số tiền 50.000.000đ là phù hợp.

Do các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không khấu trừ thu nhập của các bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6]. Về biện pháp tư pháp và vật chứng:

[6.1] Về xử lý vật chứng:

Đối với: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu trắng, số imei: 356738085069099; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia HMD Global Oy Model: TA – 1174, màu hồng, số imei: 353482151191460, là tài sản của **Nguyễn Thái H**; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8, màu trắng, số imei: 359495084904084; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia TA1010, số imei: 357342088995175 là tài sản của **Nguyễn Quốc D**, dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước là phù hợp cần chấp nhận.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia HMD Global Oy Model: TA – 1174, màu xanh, số imei: 357705104693455 là tài sản của **Nguyễn Thái H** không liên quan đến hành vi phạm tội. Cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả chiếc điện thoại trên cho **H** nhận quản lý, sử dụng là phù hợp cần chấp nhận.

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu Trắng, biển kiểm soát 47B2 – 517.55 là tài sản của anh **Hà Đức M** (sinh năm 1990, nơi cư trú: **Thôn G, xã C, thành phố B**). Sau đó anh **M** cho **Nguyễn Thái H** mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47B2 – 517.55 trên để làm phương tiện đi lại. Anh **M** không biết **H** sử dụng chiếc xe trên để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra

không đề cập xử lý anh **M**. Cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47B2 – 517.55 cho anh **M** là nhận quản lý, sử dụng là phù hợp cần chấp nhận.

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen, biển kiểm soát 47M9 – 9736 là tài sản của anh **Nguyễn Phước T16** (sinh năm 1990, nơi cư trú: **Số B P, phường T, thành phố B**) anh **T16** chưa làm thủ tục sang tên, đổi chủ. Tháng 7/2023, anh **T16** cho bị cáo **Nguyễn Quốc D** (Là bạn của anh **T16**) mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47M9 – 9736 trên để làm phương tiện đi lại. **D** sử dụng chiếc xe trên để thực hiện hành vi phạm tội anh **T16** không biết nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả 01 chiếc xe mô tô trên cho anh **T16** là nhận, quản lý, sử dụng là phù hợp cần chấp nhận

Đối với 01 Thẻ căn cước công dân số 084186013838 mang tên **Lê Thị T9**; 01 Giấy phép lái xe số 661047009344 mang tên **Nông Thị Thanh B**; 01 Giấy chứng minh nhân dân số 240393166 mang tên **Y Căn K**; 01 Hộ chiếu số C8510032 mang tên **Mạch Thị Mỹ T7**. Cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả các giấy tờ trên cho chị **T9, B, T7**, anh **Y C** quản lý, sử dụng là phù hợp cần chấp nhận.

Đối với số tiền 2.490.000đồng là tài sản thuộc quyền sở hữu của **Nguyễn Quốc D** không sử dụng vào mục đích phạm tội nên cần trả lại cho **D** nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án là phù hợp cần chấp nhận.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 và 01 quyển sổ là tài sản của **Hà Hồng T** dùng vào việc phạm tội, **T** đã vứt bỏ (không rõ địa điểm) Cơ quan điều tra không tạm giữ được nên không đề cập xử lý là phù hợp cần chấp nhận.

[6.2] Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo **Hà Hồng T** phải trả lại tổng số tiền 122.586.345 đồng là tiền thu lợi bất chính cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, cụ thể: Trả cho anh **Y Căn K** số tiền 4.552.054 đồng; Chị **Từ Thị Kiều T4** số tiền 14.630.136 đồng; Chị **Nông Thị Thanh B** số tiền 770.136 đồng; Chị **Trần Thị L** số tiền 4.193.835 đồng; Chị **Tổng Thị H1** số tiền 2.543.150 đồng; Chị **Dương Thị T5** số tiền 6.474.591 đồng; Chị **Lê Thị T6** số tiền 880.547 đồng; Chị **Mạch Thị Mỹ T7** số tiền 2.606.849 đồng; Chị **Tổng Thị K1** số tiền 3.930.136 đồng; Chị **Tổng Thị C** số tiền 185.068 đồng; Chị **Lê Thị Thái T8** số tiền 4.213.698 đồng; Chị **Vũ Thị O** số tiền 11.213.424 đồng; Chị **Lê Thị T9** số tiền 1.609.863 đồng; Anh **Đặng Ngọc T10** số tiền 2.274.768 đồng; Chị H' Khanh Byă số tiền 1.592.465 đồng và chị **Nguyễn Thị Hồng L1** số tiền 2.330.888 đồng; Trả cho chị **Huỳnh Thị Bảo T11** số tiền 3.752.054 đồng; Chị **Nguyễn Thị Hồng L1** số tiền 2.066.575 đồng; Chị **Trần Thị H3** số tiền 441.780 đồng; Chị **Lê Thị Minh N2** số tiền 11.360.273 đồng; Chị **Niê Thị L2** số tiền 1.535.753 đồng; Chị **Phạm Thị P** số tiền 1.023.835 đồng; Chị **Phan Thị Phương T12** số tiền 3.506.301 đồng; Chị **Nguyễn Thị Thanh Q** số tiền 2.013.835 đồng; Chị **Nguyễn Thị H4** số tiền 725.342 đồng; Chị **Trần**

Thị Thủy N3 số tiền 1.397.945 đồng; Chị Trần Thị N4 số tiền 2.947.123 đồng; Chị Nguyễn Thị Thanh T13 số tiền 3.657.534 đồng; Chị Bùi Thị Hằng s tiền 634.794 đồng; Chị H' Linh Trang N5 số tiền 1.008.904 đồng; Chị Nguyễn Đoàn Tú N6 số tiền 3.430.684 đồng; Chị Lê Thị Ngọc T14 số tiền 1.075.519 đồng; Chị Nông Thị Thanh B số tiền 1.431.506 đồng; Chị Lê Thị Mỹ Duyên s1 tiền 4.120.304 đồng; Chị Trần Thị C1 số tiền 4.288.356 đồng; Chị Phạm Thị Thúy N7 số tiền 1.337.260 đồng; Chị Phan Thị Ngọc Y số tiền 1.450.684 đồng; Chị Nguyễn Thị Tuyết T15 số tiền 1.042.739 đồng; Chị Trần Hải G1 số tiền 596.986 đồng; Chị Bùi Thị L3 số tiền 853.698 đồng; Chị Hoàng Thị C2 số tiền 867.123 đồng; Chị Nguyễn Khánh L4 số tiền 2.017.808 đồng, là phù hợp.

Truy thu từ bị cáo Hà Hồng T tổng số tiền 355.713.653 đồng (trong đó, số tiền 350.845.161 đồng là tiền gốc người vay đã trả và số tiền 4.868.492 đồng là tiền lãi theo quy định, lãi suất 20%) nộp ngân sách Nhà nước là phù hợp.

Buộc những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (người vay tiền) phải nộp số tiền 151.154.837 đồng nợ gốc đã vay chưa trả cho bị cáo Hà Hồng T, để sung ngân sách Nhà nước, cụ thể: Anh Y Cầm K số tiền 9.200.000 đồng; Chị Từ Thị Kiều T4 số tiền 18.400.000 đồng; Chị Nông Thị Thanh B số tiền 5.280.000 đồng; Chị Trần Thị L số tiền 3.600.000 đồng; Chị Tống Thị H1 số tiền 7.200.000 đồng; Chị Dương Thị T5 số tiền 10.967.742 đồng; Chị Lê Thị T6 số tiền 1.120.000 đồng; Chị Mạch Thị Mỹ T7 số tiền 3.200.000 đồng; Chị Tống Thị K1 số tiền 7.600.000 đồng; Chị Tống Thị C số tiền 2.640.000 đồng; Chị Lê Thị Thái T8 số tiền 6.400.000 đồng; Chị Vũ Thị O số tiền 12.320.000 đồng; Chị Lê Thị T9 số tiền 2.880.000 đồng; Anh Đặng Ngọc T10 số tiền 3.387.096 đồng; Chị H' Khanh Byã số tiền 1.800.000 đồng và chị Nguyễn Thị Hồng L1 số tiền 4.032.258 đồng; Chị Huỳnh Thị Bảo T11 số tiền 4.200.000 đồng; Chị Nguyễn Thị Hồng L1 số tiền 2.640.000 đồng; Chị Trần Thị H3 số tiền 2.400.000 đồng; Chị Lê Thị Minh N2 số tiền 7.600.000 đồng; Chị Niê Thị L2 số tiền 2.040.000 đồng; Chị Phạm Thị P số tiền 1.360.000 đồng; Chị Phan Thị Phương T12 số tiền 2.240.000 đồng; Chị Nguyễn Thị Thanh Q số tiền 1.440.000 đồng; Chị Nguyễn Thị H4 số tiền 1.200.000 đồng; Chị Trần Thị Thủy N3 số tiền 1.200.000 đồng; Chị Trần Thị N4 số tiền 1.760.000 đồng; Chị Nguyễn Thị Thanh T13 số tiền 1.600.000 đồng; Chị Bùi Thị Hằng s tiền 160.000 đồng; Chị Nguyễn Đoàn T17 Ngân số tiền 2.560.000 đồng; Chị Lê Thị Ngọc T14 số tiền 2.419.354,84 đồng; Chị Lê Thị Mỹ Duyên s1 tiền 3.548.387 đồng; Chị Trần Thị C1 số tiền 3.200.000 đồng; Chị Phạm Thị Thúy N7 số tiền 2.880.000 đồng; Chị Phan Thị Ngọc Y số tiền 2.400.000 đồng; Chị Nguyễn Thị Tuyết T15 số tiền 1.280.000 đồng; Chị Trần Hải G1 số tiền 320.000 đồng; Chị Bùi Thị L3 số tiền 2.080.000 đồng; chị Hoàng Thị C2 số tiền 600.000 đồng, là phù hợp.

[7] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]- Căn cứ khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Hà Hồng T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Quốc D và Nguyễn Thái H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

[1.1] Áp dụng khoản 2 Điều 201, Điều 35, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51BLHS .

Xử phạt: Bị cáo Hà Hồng T số tiền: 230.000.000đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng)

[1.2].Áp dụng khoản 1 Điều 201, Điều 36, điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Quốc D: 01 (một năm) 03 (ba) tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/10/2023 đến 12/10/2023 (01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo Nguyễn Quốc D còn phải chấp hành 01 (một) năm 02 (hai) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện T, tỉnh P nhận được quyết định thi hành án.

[1.3]. Áp dụng khoản 1 Điều 201, Điều 36, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thái H: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/10/2023 đến 12/10/2023 (01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo Nguyễn Thái H còn phải chấp hành 01 (một) năm 05 (năm) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an thành phố V, tỉnh P nhận được quyết định thi hành án.

Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với các bị cáo Nguyễn Quốc D và Nguyễn Thái H.

Giao bị cáo Nguyễn Quốc D cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh P và giao bị cáo Nguyễn Thái H cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố V, tỉnh P nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục bị cáo, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo. Bị cáo phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

[1.4] **Hình phạt bổ sung:** Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự.

- Phạt bị cáo Nguyễn Quốc D số tiền 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng) và phạt bị cáo Nguyễn Thái H số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

[2] Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2.1] Về xử lý vật chứng:

Trả cho bị cáo **Nguyễn Quốc D** số tiền 2.490.000 đồng (Hai triệu, bốn trăm chín mươi ngàn đồng) là tài sản thuộc quyền sở hữu của **Nguyễn Quốc D** không sử dụng vào mục đích phạm tội.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu trắng, số imei: 356738085069099; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia HMD Global Oy Model: TA – 1174, màu hồng, số imei: 353482151191460, là tài sản của **Nguyễn Thái H**; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8, màu trắng, số imei: 359495084904084; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia TA1010, số imei: 357342088995175 là tài sản của **Nguyễn Quốc D**.

(Vật chứng có đặc điểm và số lượng như Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 08/4/2024 giữa **Công an thành phố B** và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B).

Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an thành phố B**, tỉnh Đắk Lắk trả lại 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia HMD Global Oy Model: TA – 1174, màu xanh, số imei: 357705104693455 cho **Nguyễn Thái H** nhận quản lý, sử dụng; Trả lại 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu Trắng, biển kiểm soát 47B2 – 517.55 cho anh **Hà Đức M**; trả lại 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen, biển kiểm soát 47M9 – 9736 cho anh **Nguyễn Phước T16**; trả 01 Thẻ căn cước công dân số 084186013838 mang tên **Lê Thị T9** cho **Lê Thị T9**; trả 01 Giấy phép lái xe số 661047009344 mang tên **Nông Thị Thanh B** cho **Nông Thị Thanh B**; trả 01 Giấy chứng minh nhân dân số 240393166 mang tên **Y Căn K** cho anh **Y Căn K**; và trả 01 Hộ chiếu số C8510032 mang tên **Mạch Thị Mỹ T7** cho chị **Mạch Thị Mỹ T7**.

[2.2] Các biện pháp tư pháp:

Buộc bị cáo **Hà Hồng T** phải trả lại tổng số tiền 122.586.345 đồng là tiền thu lợi bất chính cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, cụ thể: Trả cho anh **Y Căn K** số tiền 4.552.054 đồng; Chị **Từ Thị Kiều T4** số tiền 14.630.136 đồng; Chị **Nông Thị Thanh B** số tiền 770.136 đồng; Chị **Trần Thị L** số tiền 4.193.835 đồng; Chị **Tổng Thị H1** số tiền 2.543.150 đồng; Chị **Dương Thị T5** số tiền 6.474.591 đồng; Chị **Lê Thị T6** số tiền 880.547 đồng; Chị **Mạch Thị Mỹ T7** số tiền 2.606.849 đồng; Chị **Tổng Thị K1** số tiền 3.930.136 đồng; Chị **Tổng Thị C** số tiền 185.068 đồng; Chị **Lê Thị Thái T8** số tiền 4.213.698 đồng; Chị **Vũ Thị O** số tiền 11.213.424 đồng; Chị **Lê Thị T9** số tiền 1.609.863 đồng; Anh **Đặng Ngọc T10** số tiền 2.274.768 đồng; Chị H' Khanh Byă số tiền 1.592.465 đồng và chị **Nguyễn Thị Hồng L1** số tiền 2.330.888 đồng; Trả cho chị **Huỳnh Thị Bảo T11** số tiền 3.752.054 đồng; Chị **Nguyễn Thị Hồng L1** số tiền 2.066.575 đồng; Chị **Trần Thị H3** số tiền 441.780 đồng; Chị **Lê Thị Minh N2** số tiền 11.360.273

đồng; Chị **Niê Thị L2** số tiền 1.535.753 đồng; Chị **Phạm Thị P** số tiền 1.023.835 đồng; Chị **Phan Thị Phương T12** số tiền 3.506.301 đồng; Chị **Nguyễn Thị Thanh Q** số tiền 2.013.835 đồng; Chị **Nguyễn Thị H4** số tiền 725.342 đồng; Chị **Trần Thị Thủy N3** số tiền 1.397.945 đồng; Chị **Trần Thị N4** số tiền 2.947.123 đồng; Chị **Nguyễn Thị Thanh T13** số tiền 3.657.534 đồng; Chị **Bùi Thị Hằng** số tiền 634.794 đồng; Chị **H' Linh Trang N5** số tiền 1.008.904 đồng; Chị **Nguyễn Đoàn Tú N6** số tiền 3.430.684 đồng; Chị **Lê Thị Ngọc T14** số tiền 1.075.519 đồng; Chị **Nông Thị Thanh B** số tiền 1.431.506 đồng; Chị số tiền 4.120.304 đồng; Chị **Trần Thị C1** số tiền 4.288.356 đồng; Chị **Phạm Thị Thúy N7** số tiền 1.337.260 đồng; Chị **Phan Thị Ngọc Y** số tiền 1.450.684 đồng; Chị **Nguyễn Thị Tuyết T15** số tiền 1.042.739 đồng; Chị **Trần Hải G1** số tiền 596.986 đồng; Chị **Bùi Thị L3** số tiền 853.698 đồng; Chị **Hoàng Thị C2** số tiền 867.123 đồng; Chị **Nguyễn Khánh L4** số tiền 2.017.808 đồng.

Truy thu của bị cáo **Hà Hồng T** tổng số tiền 355.713.653 đồng (Ba trăm năm mươi năm triệu, bảy trăm mười ba ngàn, sáu trăm năm ba đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

Buộc những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (người vay tiền) phải nộp số tiền 151.154.837 đồng nợ gốc đã vay chưa trả cho bị cáo **Hà Hồng T**, để sung ngân sách Nhà nước, cụ thể: Anh **Y Cầm K** số tiền 9.200.000 đồng; Chị **Từ Thị Kiều T4** số tiền 18.400.000 đồng; Chị **Nông Thị Thanh B** số tiền 5.280.000 đồng; Chị **Trần Thị L** số tiền 3.600.000 đồng; Chị **Tổng Thị H1** số tiền 7.200.000 đồng; Chị **Dương Thị T5** số tiền 10.967.742 đồng; Chị **Lê Thị T6** số tiền 1.120.000 đồng; Chị **Mạch Thị Mỹ T7** số tiền 3.200.000 đồng; Chị **Tổng Thị K1** số tiền 7.600.000 đồng; Chị **Tổng Thị C** số tiền 2.640.000 đồng; Chị **Lê Thị Thái T8** số tiền 6.400.000 đồng; Chị **Vũ Thị O** số tiền 12.320.000 đồng; Chị **Lê Thị T9** số tiền 2.880.000 đồng; Anh **Đặng Ngọc T10** số tiền 3.387.096 đồng; Chị **H' Khanh Byă** số tiền 1.800.000 đồng và chị **Nguyễn Thị Hồng L1** số tiền 4.032.258 đồng; Chị **Huỳnh Thị Bảo T11** số tiền 4.200.000 đồng; Chị **Nguyễn Thị Hồng L1** số tiền 2.640.000 đồng; Chị **Trần Thị H3** số tiền 2.400.000 đồng; Chị **Lê Thị Minh N2** số tiền 7.600.000 đồng; Chị **Niê Thị L2** số tiền 2.040.000 đồng; Chị **Phạm Thị P** số tiền 1.360.000 đồng; Chị **Phan Thị Phương T12** số tiền 2.240.000 đồng; Chị **Nguyễn Thị Thanh Q** số tiền 1.440.000 đồng; Chị **Nguyễn Thị H4** số tiền 1.200.000 đồng; Chị **Trần Thị Thủy N3** số tiền 1.200.000 đồng; Chị **Trần Thị N4** số tiền 1.760.000 đồng; Chị **Nguyễn Thị Thanh T13** số tiền 1.600.000 đồng; Chị **Bùi Thị Hằng** số tiền 160.000 đồng; Chị **Nguyễn Đoàn T17** Ngân số tiền 2.560.000 đồng; Chị **Lê Thị Ngọc T14** số tiền 2.419.354,84 đồng; Chị **Lê Thị Mỹ Duyên s1** tiền 3.548.387 đồng; Chị **Trần Thị C1** số tiền 3.200.000 đồng; Chị **Phạm Thị Thúy N7** số tiền 2.880.000 đồng; Chị **Phan Thị Ngọc Y** số tiền 2.400.000 đồng; Chị **Nguyễn Thị Tuyết T15** số tiền 1.280.000 đồng; Chị **Trần Hải G1** số tiền 320.000 đồng; Chị **Bùi Thị L3** số tiền 2.080.000 đồng; chị **Hoàng Thị C2** số tiền 600.000 đồng.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Hà Hồng T, Nguyễn Quốc D và Nguyễn Thái H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh, VKSND TP. BMT;
- TAND tỉnh;
- Công an TP. BMT;
- CCTHADS TP, THA phạt tù (để thi hành);
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, đương sự;
- Chánh án ;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Nguyệt

